

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/9/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-200mm, có nơi trên 250mm như: Mộc Châu (Sơn La) 202.1mm, Mai Châu (Hòa Bình) 218.4mm, Hòa Bình 311.6mm, Láng (Hà Nội) 239mm, Hoài Đức (Hà Nội) 257.8mm, Văn Lý (Ninh Bình) 409.2mm, Nam Định (Ninh Bình) 242.1mm, Thái Bình (Hưng Yên) 281.6mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 35%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN 11%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của thủy điện thượng nguồn. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-25mm, có nơi trên 40mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 17%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 57%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 18%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ 24%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 200mm như: Đình Lập (Lạng Sơn) 334.6mm, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 248.3mm, Chí Linh (Hải Phòng) 219.1mm, Hải Dương (Hải Phòng) 356.9mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu đã xuất hiện 01 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tăng; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 228%. + Trên sông Lục Nam đã xuất hiện 01 đợt lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ cao hơn so với TBNN cùng kỳ 651%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 40mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 17%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 46%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phía Bắc Thanh Hóa đến Hà Tĩnh 70-200mm, có nơi trên 200mm: Sầm Sơn (Thanh Hóa) 373.2mm, Thanh Hóa 351.5mm, Quỳnh Châu (Nghệ An) 209.1mm. Phía Nam 20-60mm, có nơi trên 100mm như: Khe Sanh (Quảng Trị) 169.8mm;
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 75%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 37%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 15%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 43%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 30%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phía bắc 5-20mm, có nơi trên 40mm; phía Nam phổ biến 20-50mm, có nơi trên 80mm.

Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 34%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 27%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 63%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 71%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức xấp xỉ TBNN.
--

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 2-15mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 9%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn TBNN 20%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn TBNN cùng kỳ 54%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 54%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 46%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 83%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 84%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 15-50mm, có nơi trên 80mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 20%; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn TBNN 22%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn TBNN 61% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 54%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 100mm như: Eahleo (Đắk

Lắc) 141.4mm, Trị An (Đồng Nai) 115.9mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 62%.

+ Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana ở mức tương đương và cao hơn so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 56%.

+ Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long ít biến đổi, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng cao hơn TBNN 25%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn 15%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/9/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/9/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 10 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	131.6	>62	0	0.8	2.6	3.7	3.7	3.6	8.8	23.2	<59
	Sơn La	179.4	>130	0	0.3	1.2	2	1.6	0.9	8.9	14.9	<62
	Hòa Bình	311.6	>193	0	0	0	0.1	0.2	0.9	0.7	1.9	<95
	Lào Cai	157.3	>32	0	0	0	2.2	3.3	0.2	2	7.7	<89
	Yên Bái	59	<45	0	0	0	0.5	2.4	0.9	1.2	5	<91
	Tuyên Quang	53.6	<32	0	0	0	0	1.7	6.3	5.9	13.9	<68
	Hà Giang	48.3	<63	1.6	0	0	4.5	0.4	1.6	4.1	12.2	<79
	Láng	239	>102	0	0	0	0	0.8	1.2	0.4	2.4	<95
	Thái Bình	281.6	>166	0	0	0	0.1	0.6	1.5	1	3.2	<95
Lưu vực sông Thái Bình	Nam Định	242.1	>112	0	0	0	0.1	0.8	0.9	0.7	2.5	<95
	Bắc Kạn	114.8	>44	0.9	0	0	1.4	3.8	6.7	3.4	16.2	<57
	Thái Nguyên	185.6	>117	0	0	0	0.5	2.7	7	0.6	10.8	<81
	Bắc Ninh	199.2	>81	0	0	0	0	6	1.5	0.8	8.3	<84
	Lạng Sơn	157.5	>126	0	0	0	5	0.1	1.1	1.7	7.9	<78
	Bắc Giang	119	>13	0	0	0.2	0	2.7	0.3	1.1	4.3	<92
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung	Hải Dương	356.9	>207	0	0	0	0	0.9	0.4	1	2.3	<95
	Hồi Xuân	227.8	>96	0.1	0.5	0	1.3	1.5	1.9	2.4	7.7	<86
	Bái Thượng	180.3	>57	0	0	0	0	0.8	0.4	1.3	2.5	<95
	Thanh Hóa	351.5	>239	0	0	0	0.8	0.9	1	1	3.7	<93
	Quỳ Châu	209.1	>104	0.8	0.9	0.1	2.3	2	4.9	5.1	16.1	<66
	Tương Dương	160.9	>80	9.5	3.5	0.4	5.4	2.2	9.1	5.6	35.7	<24
	Đô Lương	120.4	>3	0.6	0.8	0	2	3.9	4.9	1.9	14.1	<76
	Vinh	140	>27	0.7	0.2	0.1	2.4	1.9	3.9	3.6	12.8	<88
Hương Sơn		130.6	>106	0.2	0.2	0.1	2.1	1.7	1.8	3.2	9.3	<86

Khu vực	Trạm	Thực đo 10 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Bộ	Hương Khê	131.4	>40	0.1	1.5	0	1.9	3.3	7.5	1.8	16.1	<82
	Hà Tĩnh	83.9	<13	0	0.8	0	1.3	2.3	6.3	4.2	14.9	<84
	Đồng Hới	51.6	<31	2.5	2.2	0.1	0.2	8.3	4	3.9	21.2	<67
	Quảng Trị	45.1	<39	2.9	0.7	0.8	0	16	3.1	1.8	25.3	<57
	Nam Đông	10.4	<88	16	0.1	0.2	0	10.3	6.9	1.9	35.4	<64
	Huế	18.5	<76	6.6	0	0.1	0	20.6	12.8	8.3	48.4	<28
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	4.3	<93	25	0	0	0	2.8	12.4	7.4	47.6	<34
	Trà My	15.3	<85	14	4.2	4.4	0.4	18	5.7	2.2	48.9	<39
	Ba Tơ	1.3	<98	5.1	5.2	3.3	6.7	19.4	6.9	1.4	48	<17
	Quảng Ngãi	0.5	<99	10	3.1	6.1	3.3	30	11.3	4.4	68.2	>25
	Quy Nhơn	8.3	<78	0.4	0.1	8.4	5.5	22.7	0.1	0.3	37.5	>47
	An Khê	33	<39	0.4	0.7	6.6	4.9	5.3	2.1	1.4	21.4	<41
	Tuy Hòa	4.4	<84	0.2	0.3	2.1	2.1	5.3	0.3	2.9	13.2	<32
	Nha Trang	0.4	<98	0	1.1	3	9.9	6.6	3.4	1.9	25.9	>22
Lưu vực sông Mê Kông	Kon Tum	94.7	<22	16.8	19.4	26.5	16.3	13.9	9.9	13.2	116	>52
	Lắk	68.8	<17	15.3	22	33.9	15.6	22.3	12.7	8.1	129.9	>76
	Buôn Mê Thuột	52.8	<49	13.1	19.5	36.9	27	18.7	11.9	4.2	131.3	>88
	Biên Hòa	45.5	<55	7.4	5.7	12.9	14	11.9	11.8	11.5	75.2	>16
	Cần Thơ	55.5	<6	0.8	3.6	12.3	11.5	8.9	1.7	5.3	44.1	<1

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01/9 đến ngày 07/9/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 22/8 đến 31/8	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/9	02/9	03/9	04/9	05/9	06/9	07/9	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	705	<35	90	90	88	88	86	85	84	611	<17
Lô	Tuyên Quang	141	<76	22.5	22.0	25.9	27.7	29.4	30.2	31	188.8	<57
Đà	Hồ Hòa Bình	1520	<11	216	242	225	199	147	138	199	1366	<18
Hồng	Hà Nội	2735	<10	144	173	193	212	242	252	262	1478	<24
Cầu	Gia Bảy	492	>228	13.9	12.2	10.5	9.8	9.0	7.8	6.6	70	<17
Lục Nam	Chũ	885	>651	5.6	4.7	4.0	3.5	3.11	2.8	2.4	25.9	<46
Mã	Cắm Thủy	1351	>75	90.7	90.7	92.6	93.6	95.5	105	100	668	>34
Cả	Yên Thượng	1009	>37	61.6	61.6	63.0	63.5	64.8	71.3	68.0	454	<27
La	Hòa Duyệt	67	<15	5.23	5.2	5.3	5.4	5.5	6.0	5.78	38.5	<63
Tả Trách	Thượng Nhật	6.5	>30	0.9	1.0	1.0	1.1	1.2	1.0	1.1	7.4	~TBNN
Thu Bồn	Nông Sơn	56	<9	6.9	7.6	8.2	9.1	9.6	9.3	10.4	61.0	<20
Trà Khúc	Sơn Giang	38.5	<20	5.4	6.3	6.5	6.6	6.8	6.7	6.8	45.0	<22
Ba	Củng Sơn	77.3	<54	6.5	7.3	7.8	8.2	8.6	9.5	10.4	58.3	<61
Cái N,T	Đồng Trăng	13.6	<46	1.2	1.3	1.3	1.4	1.47	1.6	1.7	10.0	<54
ĐăkBlá	KonTum	24	<78	2.3	2.4	2.5	2.6	2.8	2.7	2.5	17.8	<76
Srêpôk	Giang Sơn	28	<62	2.6	2.9	3.11	3.3	3.4	3.6	3.5	22.4	<56
Tiền	Tân Châu			2144	2162	2144	2118	2092	2074	2066	14799	>25
Hậu	Châu Đốc			387	378	367	358	347	331	320	2489	<15